

Khám Hệ Thần Kinh

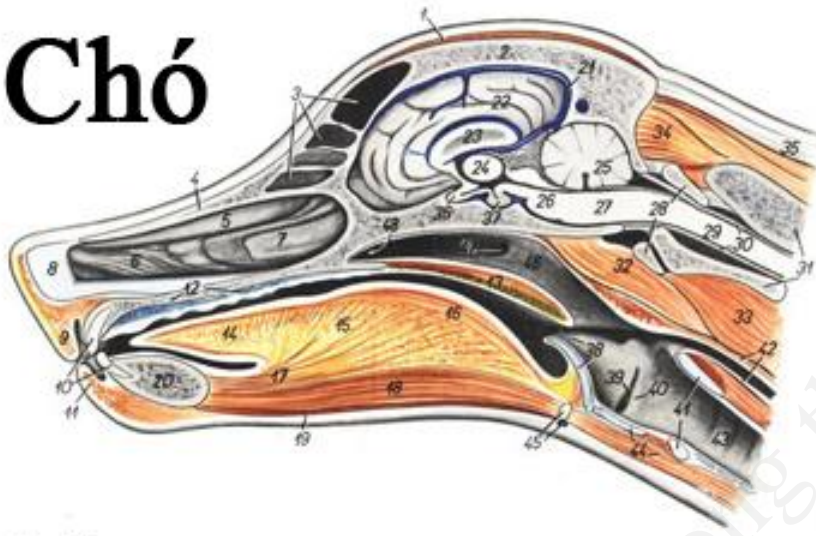
Nội dung

- KHÁM ĐẦU VÀ CỘT SỐNG
- KHÁM CHỨC NĂNG THẦN KINH TRUNG ƯƠNG
- KHÁM CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG
- KHÁM CẢM GIÁC DA
- KHÁM CƠ QUAN CẢM GIÁC
- KHÁM PHẢN XẠ
- KHÁM HỆ THẦN KINH THỰC VẬT
- K. TRA DỊCH NÃO TUỖ

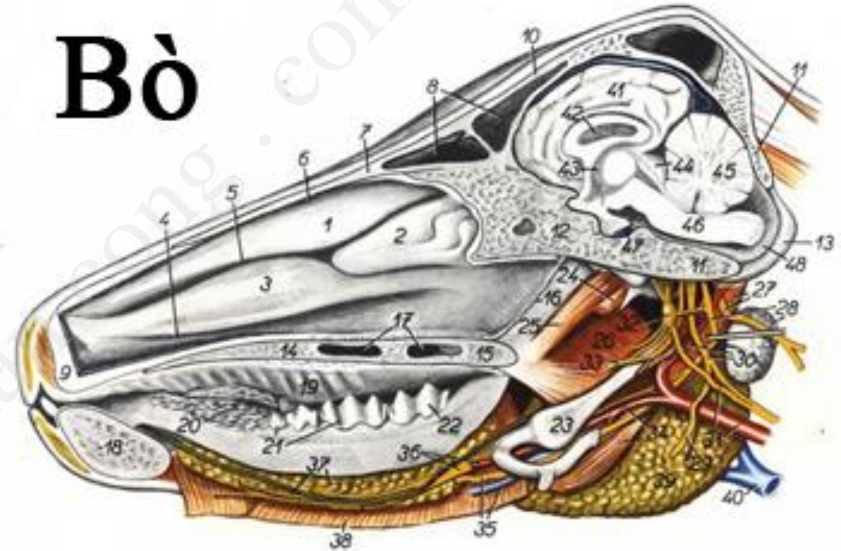
KHÁM ĐẦU VÀ CỘT SỐNG

- KHÁM ĐẦU: Não (trong xương sọ)

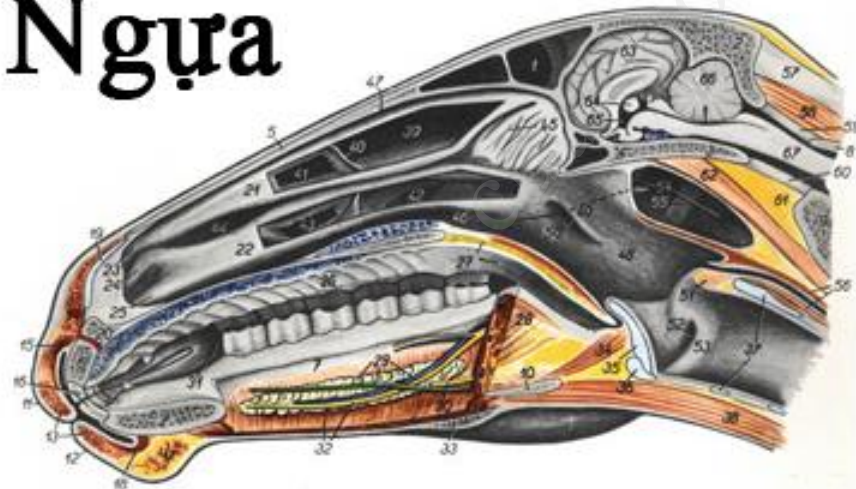
Chó



Bò



Ngựa



Vị trí não
một số loài

QUAN SÁT

- Xem hình dạng của xương sọ, xem có khối u hay tổn thương không.
- Xem hình dạng cột sống có bị cong, vẹo hay biến dạng không.

SỜ NẮN

- Vùng đầu xem thú có phản ứng đau không, xem có tổn thương vùng xương sọ không và xem có nóng không (Thí dụ viêm màng não, cảm nắng, cảm nóng).
- Sờ cột sống xem thú có đau không và sờ tổ chức phần mềm xung quanh xem có sưng không.

GỖ

- Dùng tay hay búa gõ gõ vào xương sọ để xem phản ứng đau và âm gõ. Nếu có khối u thì gõ có âm đục hơn.

X - Quang

KHÁM CHỨC NĂNG THẦN KINH TRUNG ƯƠNG

- **Bệnh ⇒ Ảnh hưởng chức năng vỏ đại não ⇒ hưng phấn hay ức chế.**
- **Kiểm tra chủ yếu bằng quan sát xem sắc diện, tư thế và hoạt động của các cơ quan.**

1/ ỨC CHẾ

**Phản xạ với các kích thích bên ngoài giảm hay mất.
Các dạng ức chế:**

a/ Ủ rũ

Gia súc mệt mỏi, gục đầu, mắt lim dim, đi lại chậm và không vững.

b/ Ngủ li bì

Gia súc nằm yên, mắt nhắm, đầu hơi ngẩng lên.

Phải dùng kích thích mạnh (Châm kim, dội nước lạnh) thú mới có phản ứng lại.

c/ Hôn mê

Thần kinh bị tê liệt, mất phản xạ, cơ nhão, giãn đồng tử, mất cảm giác da, không kiểm soát được các hoạt động. Tim, phổi hoạt động chậm, không đều.

Ngủ li bì và hôn mê thường gặp trong các trường hợp

- Bệnh có sốt cao**
- Viêm não tuỷ**
- Não tích nước**
- Trúng độc**
- Rối loạn trao đổi chất (ceton huyết)**
- Giai đoạn cuối các bệnh nặng**
- Thiếu máu não**

2/ HUNG PHẢN

- Vở não bị kích thích mạnh \Rightarrow Thú có những hoạt động hung dữ, liều lĩnh, cắn xé

Ví dụ: Chó dại

- Thường gặp trong các trường hợp

Viêm màng não

Viêm não

Trúng độc

Não sung huyết

- Trên cùng một thú bệnh có khi có cả hai quá trình hưng phấn và ức chế xen kẽ nhau.

KHÁM CHỨC NĂNG VẬN ĐỘNG

1/ TRẠNG THÁI CĂNG CỦA CƠ

Quan sát khi thú đứng, cơ thân và cơ chân có độ căng nhất định.

a/ Lực căng của cơ giảm

- Quan sát thấy các bắp thịt chùng lại. Nếu dùng tay kéo chân gia súc thẳng ra, thú kéo chân lại yếu, khi đi chân hay choãi ra phía sau.
- Do tuỷ sống hay dây thần kinh chi phối vùng cơ đó bị tổn thương hoặc bệnh ở tiểu não.

b/ Lực căng cơ tăng

- Các bắp cơ co cứng, nổi rõ lên, nhất là cơ vùng bụng.
 - Bệnh lý ở trung khu vận động hay dây thần kinh vận động.

Ví dụ: Uốn ván, trúng độc, viêm não tuỷ truyền nhiễm, bệnh làm thú đau dữ dội.

TÍNH HIỆP ĐIỀU VẬN ĐỘNG

- Gia súc đi đứng đều có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ và cơ quan vận động, đó là nhờ tính hiệp điều vận động.
- Tính hiệp điều vận động do trung khu ở vỏ đại não, tiểu não, các cơ quan cảm thụ và cơ quan thị giác quyết định.

➤ Khi gia súc bệnh, chức năng thần kinh bị rối loạn

⇒ Gia súc vận động rối loạn:

- Đứng

- 4 chân chụm, khớp co

- 4 chân dang rộng

- Nằm

+ Nghiêng

+ Úp bụng

+ Ngồi

- Đi

- Lảo đảo

- Bước không đều

➤ Thường do gốc lưng thần kinh tuỷ sống bị tổn thương, bệnh ở thần kinh tiền đình hay tiểu não.

TÊ LIỆT

Chức năng vận động yếu hay mất

Tê liệt: Cục bộ, toàn thân.

1/ Tê liệt do dây thần kinh ngoại vi

- Dây thần kinh vận động bắt nguồn từ ***gốc bụng*** ở tủy sống cho đến các sợi vận động chi phối các cơ.
- Tùy vị trí tổn thương của dây thần kinh mà vùng nó chi phối sẽ bị tê liệt. Nếu tổn thương càng gần tủy sống thì vùng tê liệt càng rộng.
- **Đặc điểm** : - Vùng cơ bị tê liệt teo lại và lực căng cơ giảm → đi không vững, dễ ngã
- phản xạ da và gân thường mất.

➤ 2/ **Tê liệt do thần kinh trung ương**

Do tổn thương ở trung khu vận động của đại não hay bó thần kinh vận động từ đại não đến tủy sống.

Đặc điểm khác tê liệt do thần kinh ngoại vi: Do não tổn thương nên không điều tiết được hoạt động tự động của tủy sống →

- **Lực căng cơ tăng, cơ co cứng, cơ không teo.**
- **Phản xạ gân mạnh.**

*** Nếu một vùng cơ hay một chân bị tê liệt thì có thể do tổn thương dây thần kinh ngoại vi hoặc tổn thương trung khu vận động đại não.**

*** Bán thân bất toại: Do tổn thương não bộ.**

*** Các cơ quan đối xứng tê liệt: 2 chân trước, 2 chân sau ... thường là do tổn thương ở tủy sống.**

*** Tê liệt do thần kinh trung ương thường gặp trong bệnh dại, viêm màng não, xuất huyết não hay tổn thương do cơ giới.**

CO GIẬT

- Co giật là cơ vận động không theo ý muốn
- Do đại não hay trung khu dưới vỏ não hưng phấn.

1/ Co giật từng cơn

- Có thể vài bó cơ hay cả bắp cơ giật

Thấy trong các bệnh gây sốt cao, viêm dạ tổ ong do ngoại vật, viêm bao tim, ceton huyết ở bò, gan biến tính.

2/ Run rẩy:

- Từng đám cơ co giật nhẹ, gia súc càng vận động thì càng run rõ, yên tĩnh thì ít run hay mất.

Gặp khi thú suy yếu, trúng độc, bệnh ở não.

3/ Động kinh:

+ Co giật toàn thân

+ Thường bắt đầu từ vai, cổ → toàn thân

+ Thần kinh bị rối loạn nặng, mắt trắng dã

Do tổn thương vỏ đại não, trúng độc, bệnh truyền nhiễm cấp có sốt cao.

4/ Co cứng cơ

Co cơ và giữ trạng thái cứng, có khi đầu bị kéo co lại, răng ngậm chặt, không nuốt được.

Do viêm màng não, liệt sau khi sinh, ceton huyết, uốn ván, trúng độc mã tiền.

KHÂM CẢM GIÁC DA

- Cảm giác da bị rối loạn bất kỳ ở điểm nào trên đường thần kinh từ da → Tủy sống → Hành tủy → Đại não và ngược lại đến da.

Cách kiểm tra:

Dùng que nhỏ kích thích nhẹ lên bề mặt da và xem phản ứng thú (**che mắt thú lại**).

Nếu cảm giác da bình thường thì thú có phản ứng như ngoáy đầu lại khi kích thích da cổ, vai; co chân khi kích thích da chân ...

- **Kiểm tra cảm giác đau:** Dùng kim chích, nếu thú khỏe thì sẽ có phản ứng khó chịu.

Da đau hơn bình thường:

Khi châm kim hay kích thích da thú rất đau, da co lại.

Do da bị viêm hay thần kinh cảm giác bị tổn thương, màng tủy sống hay gốc lưng tủy sống bị viêm.

Cảm giác da giảm: thú không có phản ứng khi kích thích nhẹ, phải dùng kim châm hay đập lên móng chân.

Do thần kinh cảm giác bị tê liệt.

- Cảm giác da một bên thân bị giảm hay mất: là do tổn thương ở đường dẫn truyền từ vỏ đại não và hành tủy.
- Cảm giác da 2 bên thân đối xứng nhau mất: do tổn thương ở tủy sống như bị dập đứt, bị chèn ép, viêm nặng.
- Từng đám da mất cảm giác: thường do tổn thương thần kinh ngoại vi chi phối vùng da đó.

Những bệnh thần kinh: u não, viêm não, liệt sau sinh... cũng làm cảm giác da giảm hay mất.

KHÁM CÁC CƠ QUAN CẢM GIÁC VÀ PHẢN XẠ

- Chức năng của các cơ quan cảm giác rối loạn là do bệnh ở cơ quan đó hay bệnh ở thần kinh trung khu.

1/ KHÁM THỊ GIÁC

- Mi mắt xệ xuống: Do thần kinh mắt, thần kinh điều khiển cơ kéo mi mắt bị tổn thương → Cơ kéo mắt liệt.
- Khi mí mắt sưng to: Do viêm, do ngoại thương, do bệnh truyền nhiễm, do độc tố phá thành mạch.
- Nhãn cầu lồi ra: Do bị ngạt, do quá đau.
- Nhãn cầu giật nhẹ:
 - Do tổn thương thần kinh tiền đình
 - Tiểu não bị tổn thương
- Nhãn cầu lệch: thần kinh điều tiết cơ mắt bị tổn thương
- Xem giác mạc có bị đục không

Kiểm tra phản xạ của đồng tử:

Gập ánh sáng đồng tử co lại, chỗ tối thì dẫn ra.

Lúc khám bịt mắt thứ lại, rồi dùng đèn pin hay kính phản chiếu chiếu ánh sáng rồi xem phản xạ của đồng tử.

***Nếu đồng tử thu hẹp:**

- Bệnh gây tăng áp lực trong sọ
- Bệnh gây ức chế thần kinh giao cảm. Tích nước xoang sọ, viêm màng não, xuất huyết não.

***Nếu đồng tử mở rộng**

- Dùng đèn chiếu sáng cũng không co lại hoặc co ít
- Do thần kinh điều tiết mắt bị tê liệt
- **Thấy trong trường hợp thứ bị viêm não, u não, trúng độc, thứ quá đau đớn.**

2/ KHÁM THÍNH GIÁC

➤ Đứng ở nơi thú không thấy rồi gọi khê xem thú nghe không.

➤ **Thính giác mẫn cảm:** nghe tiếng khê là vật quay lại, sợ hãi, có khi co giật từng cơn

Do: Viêm não truyền nhiễm ngựa, ceton huyết bò sữa.

➤ **Thính giác giảm hay mất:**
Tổn thương hành tủy, vỏ đại não.

3/ KHÁM PHẢN XẠ

- **Phản xạ tai:** Dùng lông gà kích thích trong vòng tai → gia súc khỏe sẽ quay lại.
- **Phản xạ da bụng:** Kích thích nhẹ thành bụng, cơ co lại.
- **Phản xạ hội âm:** Kích thích nhẹ dưới khẩu đuôi → đuôi sẽ cụp xuống che âm môn.
- **Phản xạ hậu môn:** Kích thích quanh hậu môn → cơ vòng hậu môn co lại.
- **Phản xạ bìu dịch hoàn:** Kích thích da mặt trong dịch hoàn → dịch hoàn kéo cao lên.

- **Phản xạ móng:** Lấy chân dẫm vào vành móng, gia súc co chân lên.
- **Phản xạ hắt hơi:** Kích thích nhẹ vào niêm mạc mũi, mũi co nhanh và hắt hơi.
- **Phản xạ giác mạc mắt:** Dùng giấy mềm kích thích giác mạc mắt → mắt nhắm lại.
- **Phản xạ gân:** Thường kiểm tra phản xạ khớp đầu gối để kiểm tra chức năng tủy sống.
 - Để gia súc nằm nghiêng, kéo chân sau lên một chút rồi gõ nhẹ vào đầu gối → thú khoẻ duỗi chân ra ngay

KHÁM HỆ THẦN KINH THỰC VẬT

1/ BẢNG PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ

- Phản xạ mắt-tim: Dùng 2 ngón tay ấn nhẹ → mạnh vào nhãn cầu qua da mí mắt từ 20-30 giây. Sau đó kiểm tra tim mạch: mạch đập chậm lại, huyết áp hạ (ngựa giảm khoảng 1/4)
- Phản xạ tai-tim: Xoắn tai → tim mạch giảm
- Phản xạ môi-tim: Dùng dây xoắn môi trên ngựa → tim đập chậm.

2/ KIỂM TRA BẰNG THUỐC

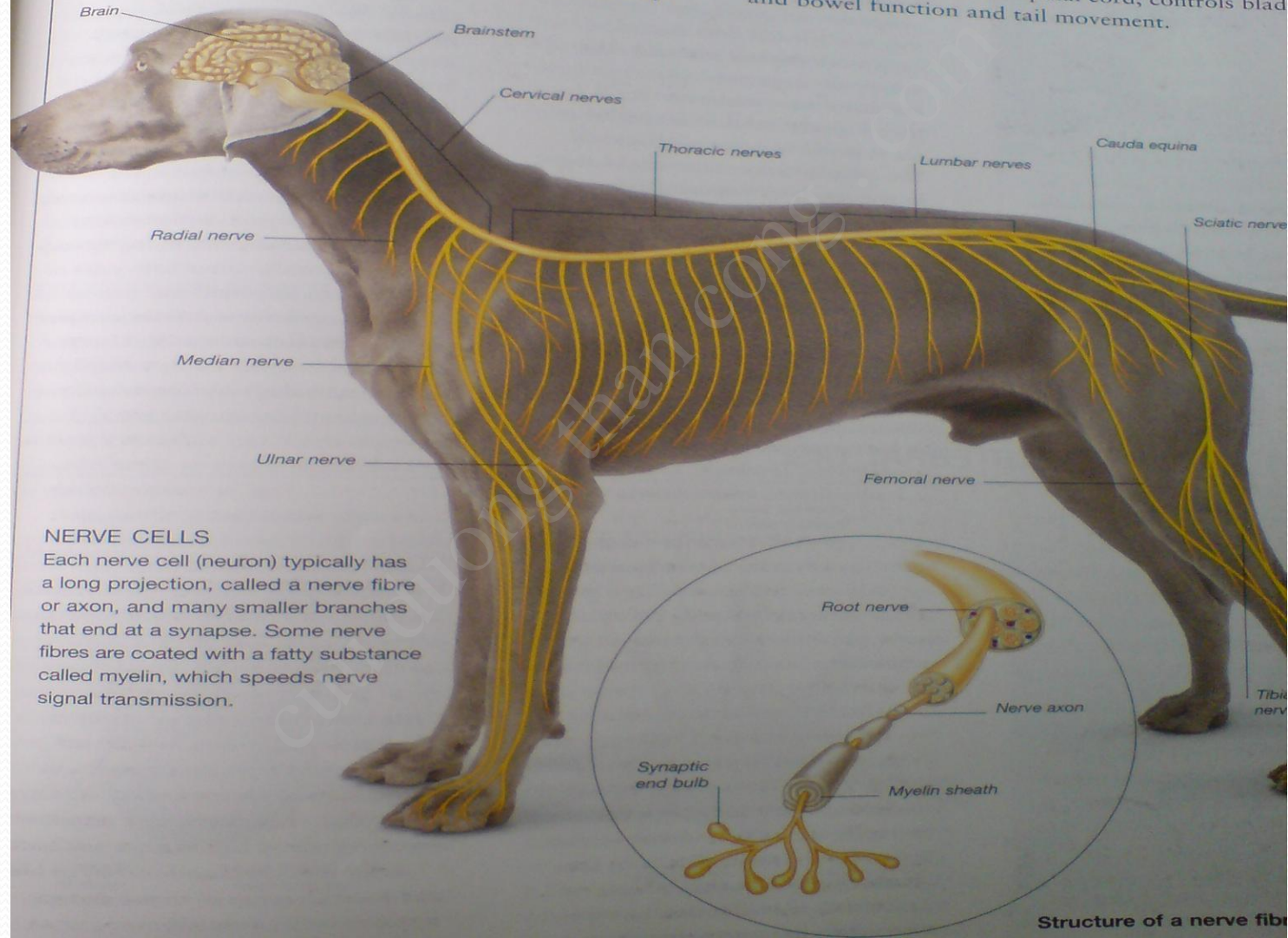
- Dùng Pilocarpin 1% (1-2cc), S.C đại gia súc, sau 5-10 phút thuốc có tác dụng và kéo dài 30-60 phút.
- Dùng Adrenalin 0,1% (2-3cc), S.C, I.M đại gia súc → tim mạch tăng.

KIỂM TRA DỊCH NÃO TỦY

- **Kiểm tra màu sắc và độ trong.**
 - Gia súc khỏe thì trong suốt, loãng như nước.
 - Lẫn mật: màu vàng → Lê dạng trùng, bệnh gan.
 - Lẫn máu: hồng, đen
 - Lẫn mủ: Đục trắng.
 - Mùi: Viêm màng não tủy mủ → mùi thối.
- **Lấy dịch ly tâm**, lấy cặn nhuộm xem tế bào bạch cầu: Viêm có nhiều bạch cầu trung tính, bình thường có ít lâm ba cầu.
- **Lấy dịch phân lập vi khuẩn.**

Pairs of spinal nerves branch off the spinal cord and pass through the spinal column between the vertebrae. These nerves divide to form networks supplying all parts of the trunk and the limbs. They carry sensory nerve impulses to the spinal cord and brain; they also carry motor nerve impulses from the brain to the rest of the body. The spinal nerves form several groups

along the spinal cord. The cervical nerves, branching from the top, supply the head, neck, and front limbs. The thoracic nerves supply parts of the upper abdomen and muscles in the back and chest. The lumbar nerves supply the lower back and hind legs. The cauda equina, at the end of the spinal cord, controls bladder and bowel function and tail movement.



NERVE CELLS

Each nerve cell (neuron) typically has a long projection, called a nerve fibre or axon, and many smaller branches that end at a synapse. Some nerve fibres are coated with a fatty substance called myelin, which speeds nerve signal transmission.

cuu duong than cong . com

*/